

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PHỦ LÝ
TỈNH HÀ NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 02/2023/KDTM-ST

Ngày 28-12-2023.

V/v: “*Kiện tranh chấp hợp đồng thuê tài chính*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PHỦ LÝ - TỈNH HÀ NAM

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Thanh Sơn.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Chí Trung và bà Nguyễn Thị Huê.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thu Trang - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý tham gia phiên tòa:

Ông Trương Hoàng Hiền - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 12 năm 2023, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam xét xử công khai sơ thẩm vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2020/TLST-KDTM ngày 22/05/2020 về việc: “*Kiện tranh chấp hợp đồng cho thuê tài chính*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐXXST-KDTM ngày 14/02/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 03/2023/QĐST-KDTM ngày 14/03/2023; Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 03/2023/QĐST-KDTM ngày 14/04/2023; Quyết định tạm đình chỉ vụ án số 01/2023/QĐST-KDTM ngày 12/05/2023; Thông báo thời gian tiếp tục phiên tòa số 79/TB-TA ngày 02/10/2023; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2023/QĐST-KDTM ngày 02/11/2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 15/2023/QĐST-KDTM ngày 30/11/2023 giữa đương sự:

* *Nguyên đơn:* Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C.

Địa chỉ trụ sở: Tầng 28, Cao ốc S, Tôn Đức Thắng, phường B, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Ông W- Chi-C, thay đổi bằng ông C-Yi-C; chức vụ: Tổng Giám đốc (theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên, đăng ký thay đổi lần thứ 8, ngày 07/6/2022 của Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh).

Đại diện theo ủy quyền:

1. Bà Diệp Yến B; chức vụ: Trưởng Phòng thu hồi nợ Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C (theo Giấy ủy quyền số 01.2020/GUQ-COL ngày 02/01/2020).

2. Ông Mai Đức Q, chức vụ: Nhân viên Công ty cho thuê tài chính TNHH MTV Quốc tế C (theo Giấy ủy quyền số 140.2019/GUQ-COL ngày 17/12/2019).

* *Bị đơn:* Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư T.

Địa chỉ trụ sở: Thôn M, xã Đ thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Văn H; chức vụ: Giám đốc.

(Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp đăng ký thay đổi lần thứ 3, ngày 18/6/2019 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam).

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1983; nơi ĐKKHKT: Thôn M, xã Y, huyện Yên Mỹ, tỉnh Hưng Yên; nơi ở: Thôn M, xã Đ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

2. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1986; nơi ĐKKHKT: Số L, phố C, phường Chương Dương, quận Hoàn Kiếm, thành phố Hà Nội.

Phiên tòa có mặt ông Mai Đức Q. Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư T, ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 17/12/2019 và quá trình tố tụng tại Tòa án, đại diện theo pháp luật và đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày: Ngày 19/03/2018, Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C Chi nhánh Hà Nội (viết tắt là Công ty C) và Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư T (viết tắt là Công ty T) có ký Hợp đồng cho thuê tài chính số C180309412 kèm theo Phụ lục số 01 (viết tắt là Hợp đồng thuê) theo phương thức mua và cho thuê lại, theo đó Công ty C mua và cho Công ty T thuê lại tài sản là thiết bị, máy móc gồm: 01 Máy đúc phun nhựa, công suất 15KW, 380V, 50Hz, Model: HDX128-S, xuất xứ: Trung Quốc (China), 01 Máy đúc phun nhựa, công suất 11KW, 380V, 50Hz, Model: PT80, xuất xứ: Trung Quốc (China) và 01 Máy đúc phun nhựa, công suất 7,5KW, 380V, 50Hz, Model: PT80, xuất xứ: Trung Quốc (China). Hợp đồng thuê đã được các bên đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 24/03/2018 theo quy định của pháp luật.

Để thực hiện Hợp đồng thuê, ngày 19/03/2018 Công ty C đã ký Hợp đồng mua bán tài sản số C180309412-PC với Công ty T mua toàn bộ số tài sản nêu trên để cho Công ty T thuê lại. Theo thông báo bắt đầu thuê số 3469/1803 ngày 24/03/2018 thì tổng giá trị tài sản thuê (VNĐ) là 4.259.529.275 đồng, giá trị thuê (VNĐ) là 2.981.670.492 đồng, số tiền mà Công ty T phải trả trước 1.277.858.783 đồng; lãi suất thuê là 10,54%/năm và thời hạn thuê là 24 tháng, hàng tháng Công ty T phải thanh toán trả tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc cùng các khoản lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng thuê. Trước khi Công ty T trả hết toàn bộ vốn gốc và các khoản lãi thì Công ty C vẫn là chủ sở hữu hợp pháp, đứng tên trên giấy tờ pháp lý liên quan đến quyền sở hữu, bảo hiểm ...vv đối với tài sản thuê. Trường hợp Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán tiền thuê hay bất cứ điều khoản, điều kiện nào của Hợp đồng thuê thì Công ty C có quyền chấm dứt hợp đồng thuê trước thời hạn, yêu cầu Công ty T phải thanh toán đầy đủ số tiền thuê còn lại và các chi phí phát sinh do chấm dứt hợp đồng trước thời hạn, có quyền thu hồi tài sản cho thuê và yêu cầu Công ty T bồi thường thiệt hại (nếu có).

Để đảm bảo cho việc thanh toán các khoản tiền của Hợp đồng thuê, ngày 19/03/2019 ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H đã ký Thư bảo lãnh cá nhân

với Công ty C nhận bảo lãnh cho Công ty T bằng tài sản của mình thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả số tiền thuê tài sản là 2.981.670.492 đồng và các khoản nợ phát sinh theo Hợp đồng thuê các bên đã ký kết.

Quá trình thực hiện Hợp đồng thuê, Công ty T đã vi phạm Điều 26 của hợp đồng, thanh toán tiền thuê không đúng hạn cho Công ty C mặc dù đã được thường xuyên đôn đốc, nhắc nhở. Do đó, ngày 14/03/2019 Công ty C đã phát hành Thông báo số 01.2019/TB-TA về việc chấm dứt Hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê đối với Công ty T, đồng thời yêu cầu Công ty T thanh toán số nợ còn thiếu và các khoản phí khác phải trả theo hợp đồng tính đến ngày 07/03/2019 (ngày chấm dứt hợp đồng) là 2.220.402.114 đồng. Hết thời hạn nêu trong thông báo trên và sau nhiều lần Công ty C gửi văn bản yêu cầu thanh toán trả nợ nhưng Công ty T vẫn không thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty C. Đến ngày 31/7/2019, Công ty C đã thu hồi toàn bộ số tài sản cho thuê theo hợp đồng, tiến hành thanh lý ngày 02/03/2020 với giá 450.000.000 đồng (bao gồm VAT) và sử dụng số tiền này đối trừ vào nợ gốc, VAT, tiền ký cược bảo đảm, chi phí bán thanh lý tài sản của bên thuê. Tạm tính đến ngày 04/06/2020, Công ty T mới thanh toán được cho Công ty C 2.010.623.198 đồng (trong đó có 1.809.572.506 đồng là tiền thuê, VAT và 201.050.692 đồng tiền lãi và các loại phí khác), Công ty T còn nợ Công ty C 1.715.315.281 đồng.

Vì vậy, Công ty C khởi kiện yêu cầu Công ty T phải thanh toán trả các khoản nợ tính đến ngày 04/06/2020 tổng cộng là 1.715.315.281 đồng, trong đó nợ gốc 1.172.097.986 đồng, nợ lãi thuê 148.404.368 đồng, lãi điều chỉnh (được giảm trừ) - 96.284 đồng, lãi quá hạn 12.753.474 đồng, phạt chậm thanh toán 1.101.981 đồng, giá trị còn lại 73.689.856 đồng (giá trị của tài sản thuê còn lại xuất toán hóa đơn sau khi thanh lý hợp đồng theo Phụ lục hợp đồng) và lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng tính từ 07/03/2019 đến 04/06/2020 là 264.563.900 đồng, đồng thời buộc Công ty T phải thanh toán tiền lãi phát sinh sau ngày 04/06/2020 tính trên số nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất quá hạn theo quy định tại Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc. Trường hợp Công ty T không có khả năng hoàn thành nghĩa vụ thanh toán của mình thì ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán cho Công ty C đầy đủ toàn bộ các khoản nợ của Công ty T.

Đại diện theo pháp luật của bị đơn Công ty T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H trong quá trình giải quyết vụ án mặc dù đã được Tòa án thông báo, tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng về việc bị khởi kiện và triệu tập tham gia giải quyết vụ án nhưng đã không có mặt hoặc cử người đại diện có mặt tham gia tố tụng, không có ý kiến, quan điểm về việc bị khởi kiện cũng như đưa ra chứng cứ, quan điểm để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình trước pháp luật. Xác minh tại địa chỉ của bị đơn theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Công ty T cho thấy sau khi Công ty C thu hồi toàn bộ tài sản cho thuê, Công ty T không còn tiếp tục hoạt động trên địa bàn xã Đ, thành phố Phủ Lý, người đại diện theo pháp luật của Công ty là ông Nguyễn Văn H trả mặt bằng đã thuê làm trụ sở Công ty, gỡ bỏ biển hiệu và chuyển đi nơi khác cư trú. Kết quả xác minh thời điểm gần nhất tại Phòng đăng ký kinh doanh Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cho thấy Công ty T vẫn đang hoạt động trên hệ

thống doanh nghiệp Quốc gia, chưa sát nhập, chia tách, giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo quy định pháp luật. Kết quả ủy thác thu thập chứng cứ của Tòa án đối với đại diện theo pháp luật của Công ty T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án cho thấy ông H không có mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú, văn bản tố tụng của Tòa án được tổng đạt cho người thân nhận thay còn bà H không có địa chỉ thường trú như đã kê khai, đăng ký trong Thư bảo lãnh cá nhân ký kết với Công ty C.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ngày 25/11/2022 và ngày 29/04/2023 Tòa án đã ban hành các Quyết định thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H đồng thời giao trách nhiệm cho Công ty C trực tiếp thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định, tuy nhiên nguyên đơn đã không thực hiện thủ tục này vì lý do không có yêu cầu và đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện đối với bị đơn như đã trình bày trong quá trình giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ trình tự thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Việc chấp hành pháp luật của nguyên đơn trong vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thực hiện đúng, đầy đủ về quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định của pháp luật. Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án không chấp hành cũng như không thực hiện quyền, nghĩa vụ tố tụng của đương sự theo quy định tại các Điều 70, 72 và 73 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp trong vụ án, xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Phủ Lý đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 335, 336, 338, 342 và 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 95, 112 và 113 Luật các tổ chức tín dụng; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án xem xét, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty C, buộc Công ty T phải thanh toán trả cho Công ty C các khoản nợ phải trả phát sinh theo Hợp đồng cho thuê tài chính các bên đã ký kết tính đến hết ngày 28/12/2023 tổng cộng là 2.342.291.141 đồng. Trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả nợ thay toàn bộ cho bị đơn. Ngoài ra, Công ty Thiên Ân còn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, nghe Kiểm sát viên trình bày ý kiến phát biểu, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng, thời hiệu khởi kiện:

1.1. Về thẩm quyền: Tranh chấp về kinh doanh thương mại trong vụ án phát sinh giữa các pháp nhân có đăng ký kinh doanh về việc thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo Hợp đồng cho thuê tài chính mà các bên đã ký kết. Bị đơn có địa chỉ trụ sở tại xóm M, xã Đ, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Căn cứ khoản 1 Điều 30, khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì tranh chấp về hợp đồng giữa các bên thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết theo thủ tục sơ thẩm của Tòa án nhân dân thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

1.2. Về thời hiệu khởi kiện: Tranh chấp về hợp đồng giữa các bên vẫn trong thời hiệu khởi kiện theo quy định tại Điều 429 của Bộ luật Dân sự.

1.3. Việc giải quyết, xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa, đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án là ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H vắng mặt lần thứ hai mà không có người đại diện tham gia phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy, quá trình giải quyết vụ án ông H và bà H luôn vắng mặt không có lý do, Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt, niêm yết văn bản tố tụng cho ông H và bà H theo địa chỉ nguyên đơn đã cung cấp và ủy thác thu thập chứng cứ theo quy định của pháp luật. Kết quả ủy thác thu thập chứng cứ cho thấy ông H vắng mặt tại nơi đăng ký hộ khẩu thường trú nhưng văn bản tố tụng của Tòa án đã được tổng đạt cho người thân nhận thay, còn bà H không có địa chỉ như đã nêu trong nội dung đơn khởi kiện. Do nguyên đơn không cung cấp được thêm địa chỉ mới của ông H, bà H và không có yêu cầu thực hiện thủ tục thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng đối với ông H, bà H theo quy định nên Tòa án căn cứ tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án theo thủ tục chung. Xét thấy, tại thời điểm giải quyết tranh chấp, bị đơn vẫn có địa chỉ hoạt động như đã đăng ký trên hệ thống doanh nghiệp Quốc gia, chưa sát nhập, chia tách, giải thể hoặc bị tuyên bố phá sản doanh nghiệp theo quy định pháp luật; người đại diện theo pháp luật của bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông H, bà H khi ký kết hợp đồng thuê tài chính và thư bảo lãnh cá nhân đã cung cấp địa chỉ theo địa chỉ ghi trên giấy đăng ký kinh doanh của Công ty T và giấy chứng minh nhân dân là các giấy tờ có giá trị pháp lý của tổ chức, cá nhân nên việc bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan thay đổi địa chỉ mà không thông báo lại cho nguyên đơn biết địa chỉ mới là trường hợp cố tình giấu địa chỉ để trốn tránh nghĩa vụ, do đó việc tổng đạt, niêm yết công khai văn bản tố tụng của Tòa án đối với Công ty T, ông H và bà H theo địa chỉ nguyên đơn đã cung cấp để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn xét xử vụ án đối với đương sự vắng mặt theo quy định.

[2] Về nội dung tranh chấp:

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

2.1. Căn cứ tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn xuất trình kèm theo đơn khởi kiện và tài liệu, chứng cứ Tòa án đã thu thập được trong quá trình giải quyết vụ án đã có đủ cơ sở xác định: Ngày 19/03/2018, Công ty C và Công ty T ký Hợp đồng

cho thuê tài chính số C180309412 (viết tắt là Hợp đồng thuê) theo phương thức mua và cho thuê lại, theo đó Công ty C đã mua và cho Công ty T thuê lại đối với các tài sản gồm: 01 Máy đúc phun nhựa, công suất 15KW, 380V, 50Hz, Model: HDX128-S, xuất xứ: Trung Quốc, 01 Máy đúc phun nhựa, công suất 11KW, 380V, 50Hz, Model: PT80, xuất xứ: Trung Quốc và 01 Máy đúc phun nhựa, công suất 7,5KW, 380V, 50Hz, Model: PT80, xuất xứ: Trung Quốc. Để thực hiện Hợp đồng thuê, ngày 19/03/2018 Công ty C ký hợp đồng mua bán tài sản số C180309412-PC với Công ty T để mua các máy móc, thiết bị nêu trên với giá trị tổng cộng (VNĐ) là 4.259.529.275 đồng, sau đó cho Công ty T thuê lại, số tiền Công ty T phải trả trước là 1.277.858.783 đồng, số tiền Công ty C tài trợ vốn và cũng chính là tiền cho Công ty T thuê tài chính là 2.981.670.492 đồng. Xét thấy, Hợp đồng thuê được giao kết trên cơ sở các bên tự nguyện, bằng phương thức mua và cho thuê lại phù hợp với quy định của pháp luật về cho thuê tài chính và trong phạm vi hoạt động tín dụng được Nhà nước cho phép đối với tổ chức tín dụng phi ngân hàng là công ty cho thuê tài chính, hợp đồng đã được đăng ký giao dịch bảo đảm tại cơ quan có thẩm quyền nên hoàn toàn hợp pháp. Xét nội dung thỏa thuận giữa các bên trong hợp đồng cho thấy: Hàng tháng Công ty T phải thực hiện nghĩa vụ thanh toán trả tiền thuê bao gồm một phần vốn gốc và khoản tiền lãi, phí phát sinh theo Hợp đồng thuê cho đến khi trả hết vốn gốc cho Công ty C. Do quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T chỉ thanh toán trả được một phần vốn gốc và tiền lãi, sau đó không tiếp tục thanh toán trả tiền thuê đúng hạn nên đã vi phạm hợp đồng, do đó việc Công ty C thông báo chấm dứt hợp đồng cho thuê trước thời hạn, yêu cầu thanh toán đầy đủ tiền thuê còn lại cùng các khoản phí phát sinh do chấm dứt hợp đồng, tiến hành thu hồi tài sản cho thuê và yêu cầu bồi thường thiệt hại (nếu có) là hoàn toàn có cơ sở, phù hợp quy định của pháp luật tại các Điều 90, 91, 95, 112 và 113 Luật các tổ chức tín dụng; các Điều 13, 16, 17, 20 và 21 Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-NHNN ngày 22/02/2019 của Ngân hàng Nhà nước hợp nhất Nghị định của Chính Phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính. Do Công ty T từ thời điểm chấm dứt Hợp đồng thuê đã không còn tiếp tục thanh toán bất kỳ khoản tiền nào cho Công ty C, do đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải thanh toán trả ngay cho nguyên đơn tiền thuê và các khoản phí phát sinh còn nợ theo hợp đồng thuê tài chính các bên đã ký kết tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 28/12/2023 với số tiền tổng cộng là 2.342.291.141 đồng, là có căn cứ để xem xét, chấp nhận. Bị đơn còn phải thanh toán khoản tiền lãi quá hạn phát sinh sau ngày xét xử sơ thẩm tính trên nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất quá hạn theo thỏa thuận trong Hợp đồng thuê cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

2.2. Về nghĩa vụ bảo lãnh: Xét yêu cầu của Công ty C về việc buộc ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả nợ thay cho Công ty T khi Công ty T không thanh toán trả nợ cho Công ty C, Hội đồng xét xử xét thấy rằng ngày 19/03/2019 ông H và bà H đã ký Thư bảo lãnh cá nhân với Công ty C nhận bảo lãnh cho Công ty T toàn bộ nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Công ty C, mục đích là để thực hiện Hợp đồng thuê. Việc ông H, bà H ký Thư bảo lãnh cá nhân với Công ty C là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp quy định của pháp luật tại các Điều 335, 336, 338 và 342 của Bộ luật Dân sự, do đó việc

nhận bảo lãnh nghĩa vụ thanh toán là hoàn toàn hợp pháp. Vì vậy, xét yêu cầu của nguyên đơn về việc ông H và bà H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả toàn bộ các khoản nợ của bị đơn trong trường hợp bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán là có cơ sở để xem xét, chấp nhận.

[3] Về án phí: Xét thấy yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được xem xét, chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định pháp luật. Nguyên đơn được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp.

[4] Về quyền kháng cáo: Các đương sự thực hiện quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 70, 72, 73, 144, 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, các Điều 235, 266, 271, 273 và 278 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 335, 336, 338, 342 và 429 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 90, 91, 95, 112 và 113 Luật các tổ chức tín dụng; Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 của Quốc hội; các Điều 13, 16, 17, 20, 21 Văn bản hợp nhất số 09/VBHN-NHNN ngày 22/02/2019 của Ngân hàng Nhà nước hợp nhất Nghị định của Chính Phủ quy định về hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C:

1.1. Buộc Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư T phải thanh toán trả cho Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C số tiền thuê tài chính tính đến hết ngày xét xử sơ thẩm 28/12/2023 gồm: Nợ thuê gốc là 1.172.097.986 đồng, lãi thuê trong hạn là 148.404.368 đồng, lãi điều chỉnh (được giảm trừ) là - 96.284 đồng, lãi quá hạn trước khi chấm dứt hợp đồng thuê là 12.753.474 đồng, phạt chậm thanh toán là 1.101.981 đồng, giá trị còn lại (giá trị của tài sản thuê còn lại xuất toán hóa đơn sau khi thanh lý hợp đồng thuê theo thỏa thuận tại Phụ lục hợp đồng thuê) là 73.689.856 đồng và lãi quá hạn sau khi chấm dứt hợp đồng thuê tính từ ngày 07/03/2019 cho đến hết ngày xét xử sơ thẩm là 934.339.760 đồng, tổng cộng là 2.342.291.141 đồng (*Hai tỷ ba trăm bốn mươi hai triệu hai trăm chín mốt nghìn một trăm bốn mốt đồng*).

1.2. Công ty T còn phải trả cho Công ty C tiền lãi phát sinh kể từ sau ngày 28/12/2023 tính trên số nợ gốc chưa thanh toán với mức lãi suất chậm trả theo thỏa thuận giữa các bên nhưng phải phù hợp quy định của pháp luật.

1.3. Trường hợp Công ty T không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán trả nợ cho Công ty C thì ông Nguyễn Văn H và bà Nguyễn Thị H phải có trách nhiệm liên đới thanh toán trả đầy đủ toàn bộ các khoản nợ của Công ty T cho Công ty C.

2. Án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

2.1. Công ty TNHH Thương mại và Đầu tư T phải nộp 78.846.000 đồng (*Bảy mươi tám triệu tám trăm bốn mươi sáu nghìn đồng*) án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

2.2. Công ty cho thuê tài chính TNHH Một thành viên Quốc tế C được hoàn trả lại khoản tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 39.700.000 đồng (*Ba mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng*), theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0004493 ngày 22/05/2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

3. Quyền kháng cáo đối với bản án: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tối cao;
- TAND tỉnh Hà Nam;
- VKSND thành phố Phủ Lý;
- Chi cục THADS thành phố Phủ Lý;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

Lê Thanh Sơn